

UBND XÃ MINH TÂN
TRƯỜNG MN MINH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52 /KH-MNMT

Minh Tân, ngày 10 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Điều lệ trường mầm non Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020 ngày 31/12/2020 của Bộ GD-ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành khung thời gian năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 758/SGDDĐT-GDMN ngày 10 tháng 9 năm 2025 về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch của Trường Mầm non Minh Tân về Kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định 222/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 về Quyết định thành lập Trường Mầm non Minh Tân;

Trên cơ sở tình hình thực tế cơ sở vật chất trường lớp, điều kiện, văn hóa địa phương, năng lực của giáo viên, khả năng nhu cầu của trẻ ở đơn vị.

Trường Mầm non Minh Tân xây dựng Kế hoạch phát triển Chương trình Giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

II. TÌNH HÌNH, BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA NHÀ TRƯỜNG.

1. Đặc điểm, bối cảnh của địa phương

1.1 Tỉnh Ninh Bình

- Ninh Bình là tỉnh thuộc phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, nổi bật với địa hình đa dạng (núi đá vôi, đồng bằng, ven biển), là vùng đất địa linh nhân kiệt, cố đô văn hiến với di sản kép Tràng An. Vị trí chiến lược cửa ngõ giao thoa kinh tế - văn hóa Bắc Bộ - Bắc Trung Bộ giúp Ninh Bình phát triển mạnh du lịch sinh thái - tâm linh và công nghiệp.

- Vị trí địa lý chiến lược: Nằm ở ranh giới 3 khu vực (Tây Bắc, châu thổ sông Hồng và Bắc Trung Bộ), cách Hà Nội 90km, là cửa ngõ phía Nam, kết nối giao thông quan trọng.

- Địa hình đa dạng (3 vùng): Phía Tây/Tây Bắc là đồi núi (rừng Cúc Phương); trung tâm là đồng bằng phù sa; phía Nam/Đông Nam là vùng ven biển. Đường bờ biển dài 90km với 5 cửa sông.

- Văn hóa - Lịch sử: Là cố đô của 3 triều đại (Đinh, Lê, Lý), nổi tiếng với Quần thể danh thắng Tràng An (di sản kép thế giới), chùa Bái Đính, nhà thờ Phát Diệm và nhiều lễ hội truyền thống.

- Tài nguyên du lịch: Sở hữu tiềm năng du lịch 4 mùa (sinh thái, văn hóa, tâm linh, nghỉ dưỡng). Một số khu du lịch nổi tiếng như: Quần thể danh thắng Tràng An (di sản thế giới UNESCO), Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động, Hang Múa, và Nhà thờ đá Phát Diệm

- Kinh tế: Phát triển mạnh công nghiệp (vật liệu xây dựng, chế biến nông sản), nuôi trồng thủy sản và đặc biệt là du lịch, hướng tới trung tâm du lịch quốc tế.

- Bối cảnh của tỉnh:

+ Ninh Bình ưu tiên thu hút đầu tư công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường, phát triển theo hướng xanh, văn minh.

+ Đang hoàn thiện hệ thống giao thông (cao tốc, quốc lộ 1A, quốc lộ 10, đường sắt) kết nối các trung tâm kinh tế.

+ Mở rộng không gian: Ninh Bình đang được định hướng trở thành một trung tâm du lịch tổng hợp mang tầm quốc tế, dẫn dắt khu vực.

+ Ninh Bình đang chuyển mình từ một tỉnh thuần nông sang một trung tâm du lịch - công nghiệp hiện đại, tận dụng lợi thế "địa linh nhân kiệt" để phát triển bền vững.

1.2. Xã Minh Tân

- Xã Minh Tân (mới) được chia tách từ huyện Vụ Bản cũ, được sáp nhập của 04 xã: Minh Tân, Cộng Hòa, Tân Khánh, Minh Thuận thành xã Minh Tân ngày nay. Xã nằm ở phía bắc, tiếp giáp với xã Vụ Bản, xã Tân Khánh và các xã lân cận như Yên Chính, Yên Bình, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương kinh tế.

- Kinh tế: Chủ yếu phát triển nông nghiệp, kết hợp với các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nhỏ lẻ và từ thu nhập làm công nhân tại khu công nghiệp đóng trên xã.

- Xã hội: An ninh nông thôn, trật tự xã hội được giữ vững, đời sống nhân dân ổn định.

- Giao thông: Đang hoàn thiện hệ thống giao thông liên xã

- Dân số trong độ tuổi lao động của xã cao. Đời sống nhân dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, thủ công và một số ít làm công nhân, viên chức tại các cơ quan nhà nước. Với vị trí địa lý thuận lợi về giao thông đường bộ, đường thủy nên việc sinh hoạt, trao đổi hàng hóa khá thuận tiện thúc đẩy cho phát triển kinh tế ở địa phương.

- Một số công trình nổi trong địa bàn xã như: Khu công nghiệp dệt may, đồ chơi; hợp tác xã nông nghiệp.

- Một số danh lam thắng cảnh đẹp trong xã: Núi Ngăm, Khu du lịch sinh thái Núi Ngăm, cánh đồng, đình, chùa.

- Các cơ sở giáo dục của địa phương: Có 12 cơ sở giáo dục, trong đó: 03 Trường mầm non; 03 Trường tiểu học; 03 Trường THCS.

2. Tình hình, bối cảnh, điều kiện bên trong nhà trường

2.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ

**Tình hình đội ngũ nhà trường*

- Trường có đội ngũ giáo viên có trình độ tương đối đồng đều, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, mến trẻ, nhiệt tình trong công việc, hằng năm đều được đánh giá xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, CBQL mầm non; được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình nhà trường:

+ Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên của trường: 53 người, trong đó 50/53 nữ (viên chức: 39; nhân viên nấu ăn hợp đồng: 08, nhân viên bảo vệ hợp đồng 03)

+ CBQL, giáo viên 40: CBQL: 03, giáo viên 37 (biên chế 34, 02 Hợp đồng 111). Trình độ chuẩn sư phạm 100%; trên chuẩn: 27/40 (tỉ lệ: 67,5%).

+ GV dạy nhóm trẻ 24-36 tháng: 10 GV/5 nhóm (01 gv đến tháng 02/2026 nghỉ thai sản)

+ GV dạy lớp 3-4 tuổi: 10 GV/5 lớp (01 gv đến tháng 12/2025 nghỉ thai sản)

+ GV dạy lớp 4-5 tuổi: 07 GV/5 lớp

+ GV dạy lớp 5-6 tuổi: 10 GV/5 lớp

** Tình hình trẻ em*

- Trường có 2 khu với 20 nhóm/ lớp (gồm 05 nhóm trẻ và 15 lớp mẫu giáo). Tổng số trẻ ra lớp tại thời điểm tháng 02/2025: 498 cháu, trong đó:

+ Nhà trẻ: 25-36 tháng: 05 nhóm = 124/358 trẻ, đạt tỷ lệ 34,6%

+ Mẫu giáo 15 lớp = 374/374 đạt tỷ lệ 100%, Trong đó: Trẻ 3-4 tuổi: 05 lớp = 100/100 trẻ, đạt tỷ lệ 100%; Trẻ 4-5 tuổi: 05 lớp = 116/116 trẻ đạt tỷ lệ 100%; Trẻ 5-6 tuổi: 03 lớp = 158/158 trẻ, đạt 100%.

+ Trẻ khuyết tật ra lớp: 0 trẻ

2.2. Cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học

- Điều kiện cơ sở vật chất khang trang, phòng học thoáng mát, rộng rãi, đồ dùng thiết bị cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Năm học 2025-2026, trường có 20 nhóm lớp (05 nhóm nhà trẻ, 15 lớp mẫu giáo), so với cùng kỳ năm trước giảm 01 lớp mẫu giáo.

- Tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

+ Điểm chính Khu 01: 08 phòng học, 01 khu phát triển thể chất, 01 phòng hành chính, quản trị, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng nhân viên, 01 nhà bếp, 01 sân chơi, vườn hoa, vườn cây, vườn rau, kho thực phẩm.

+ Điểm lễ Khu 02: 12 phòng học, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng Y tế, 01 bếp ăn, 01 sân chơi, vườn cây, hoa.

+ Nhà trường có 01 nhà xe cho CB,GV,NV; 02 sân chơi có cây xanh bóng mát, có từ 5 loại đồ chơi ngoài trời; 20/20 nhóm lớp đủ thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo độ tuổi.

- Hệ thống sân chơi ngoài trời, thiết bị, đồ chơi cho trẻ theo quy định và được thiết kế đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ, lấy trẻ làm trung tâm. Môi trường bên trong và bên ngoài lớp học đảm bảo an toàn tuyệt đối, thân thiện với trẻ.

- Nhà bếp đảm bảo hoạt động theo quy trình bếp 01 chiều, đảm bảo các trang thiết bị đầy đủ phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Phòng bếp sạch, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy trình kiểm thực, lưu mẫu đúng theo qui định.

2.3. Xã hội hóa giáo dục

- Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia vào hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, có sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Cha mẹ trẻ có trách nhiệm và phối hợp chặt chẽ với nhà trường để bảo đảm điều kiện thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Thỏa thuận với cha mẹ trẻ kinh phí phù hợp, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Thời cơ, thách thức

3.1. Thời cơ

- Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương thường xuyên đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu phục vụ cho các hoạt động của nhà trường và sự đồng thuận của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, sự tin nhiệm của cha mẹ học sinh nên chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng-giáo dục trẻ được nâng lên, thu hút trẻ trong độ tuổi ra lớp luôn đạt kế hoạch đề ra.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đa số nhiệt tình, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá, tốt và nhiều giáo viên tự phấn đấu học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

- Các bậc phụ huynh ngày càng nhận rõ hơn vai trò, trách nhiệm cùng nhau tham gia xây dựng, phát triển giáo dục bền vững, thu hút phụ huynh đưa trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp đạt chỉ tiêu hàng năm.

3.2. Thách thức

- Trong giai đoạn đất nước đang trong lộ trình sáp nhập xã, phường, trường học do vậy tâm lý nhân dân, cán bộ giáo viên cũng có phần ảnh hưởng.

- Yêu cầu của xã hội ngày càng cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ bùng nổ công nghệ thông tin đòi hỏi:

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và liên tục được nâng cao.

+ Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, khả năng sáng tạo của cán bộ giáo viên, nhân viên.

+ Cần huy động sự đầu tư, đóng góp của xã hội đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện dạy học thích ứng với nhu cầu xã hội.

- Quy mô trường ở 2 khu, trong khi nhà trường thiếu 01 phó hiệu trưởng, số học sinh ở khu lẻ ít nên phần nào ảnh hưởng đến việc giao tiếp, tự tin cho trẻ.

- Một số giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động STEAM, trải nghiệm thực tế, một số giáo viên cao tuổi hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Một số trang thiết bị lâu năm như tủ, kệ đồ dùng, đồ chơi trong lớp, một số đồ chơi ngoài trời đang xuống cấp xuống cấp.

- Công tác huy động nguồn lực xã hội hóa tuy tích cực nhưng còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

- Nhân viên y tế, văn thư là giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm phần nào ảnh hưởng đến công tác quản lý, thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

(Phần chữ in nghiêng là nội dung được phát triển)

1. Mục tiêu giáo dục

1.1. Mục tiêu của Chương trình Bộ GD&ĐT ban hành

Mục tiêu của GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu của Chương trình giáo dục nhà trường

- Giúp trẻ em phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng; hình thành và phát triển ở trẻ em sự tự tin, độc lập, sáng tạo, kỷ luật, yêu thích học tập *suốt đời và đóng góp cho xã hội*, hình thành những kỹ năng sống cần thiết phù hợp

với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

+ *Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục “học thông qua vui chơi, trải nghiệm”; học qua trao đổi - chia sẻ; học qua tư duy suy luận.*

+ *Thực hiện tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng phù hợp với lứa tuổi trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non; đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo, giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một;*

+ *Nhà trường tích hợp mô hình giáo dục STEAM đối với trẻ mẫu giáo: tôn trọng sự sáng tạo của trẻ, giáo viên là người đưa ra vấn đề, định hướng, trẻ sẽ là người giải quyết vấn đề đó; phương pháp dạy học theo dự án, đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục nhằm phát triển những kỹ năng, phẩm chất, năng lực phù hợp cho trẻ, giúp trẻ tự tin sẵn sàng trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học.*

+ *Lồng ghép tích hợp đa văn hóa trong văn học, tạo hình, nghệ thuật... để trẻ có cơ hội được tiếp cận với văn hóa các vùng miền các dân tộc trong nước và nước ngoài.*

2. Yêu cầu về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ.

2.1. Yêu cầu về nội dung giáo dục

Bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; bảo đảm tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống.

Phù hợp với sự phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

- *Bảo đảm thực hiện cụ thể hóa các nội dung Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, nhóm/lớp.*

- *Chú trọng phát triển các nội dung giáo dục sau:*

+ *Khám phá, trải nghiệm giác quan ở chương trình giáo dục nhà trẻ và luyện tập các giác quan ở chương trình giáo dục mẫu giáo.*

+ *Các kỹ năng sống cơ bản hoặc kỹ năng thực tế như: kỹ năng vận động, tự chăm sóc bản thân, chuẩn bị đồ ăn và chăm sóc môi trường. Từ đó giúp trẻ yêu quý môi trường sống, thiên nhiên, học cách tự chăm sóc bản thân, ý thức được việc làm của mình và hình thành các nét tính cách.*

2.2. Yêu cầu về phương pháp

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

Nhà trường phát triển:

Đề cao nét tính cách riêng biệt, tính chủ động, độc lập, yêu thích học tập của trẻ:

+ Trẻ được chủ động tìm hiểu, khám phá môi trường xung quanh theo mong muốn và được giáo viên hướng dẫn khi trẻ cần sự hỗ trợ.

+ Trẻ có thể học theo cá nhân hoặc nhóm nhỏ, cùng trao đổi, chơi các trò chơi, các học liệu tự nhiên.

+ Trẻ tự khám phá và lĩnh hội/chiếm lĩnh các kiến thức theo nhu cầu.

+ Chấp nhận sự duy nhất của mỗi trẻ và cho phép trẻ phát triển tùy theo tốc độ của mỗi trẻ

+ Trẻ được tự lựa chọn công việc/ hoạt động mà bản thân trẻ hứng thú...

- Chú trọng hoạt động thực hành trải nghiệm cuộc sống thực tế và nhấn mạnh về phát triển sự tự lập, cộng tác và kỹ năng cho cuộc sống hàng ngày. Chú trọng chuẩn bị về môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ.

2.3. Về hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp phù hợp với độ tuổi của lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

Chú trọng sử dụng hình thức tổ chức các hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ phù hợp với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu, hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

2.4. Về tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động.

- Môi trường giáo dục gồm môi trường vật chất, môi trường xã hội, môi trường cảm xúc và môi trường thời gian để nuôi dưỡng khuynh hướng tự nhiên của trẻ và đam mê học tập, tạo cơ hội cho trẻ được tham gia vào các hoạt động theo ý thích, có mục đích dưới sự hỗ trợ, hướng dẫn của giáo viên:

+ Môi trường vật chất: được thiết kế và chuẩn bị từ sân trường đến lớp học đảm bảo phù hợp với trẻ, chất liệu an toàn, phù hợp với nội dung giáo dục và từng giai đoạn phát triển của trẻ, đảm bảo trẻ được học thông qua sự trải nghiệm các giác quan và thông qua hoạt động của chính trẻ. Đồng thời, kích thích được sự phát triển toàn diện từ thể chất đến tinh thần. Khuyến khích, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào các hoạt động, trẻ được khởi xướng và lựa chọn từ nhiều loại đồ dùng, học liệu và thiết bị có sẵn trong môi trường đã được chuẩn bị.

+ Môi trường xã hội: bao gồm trẻ có khả năng khác nhau, đến từ các gia đình có cấu trúc và văn hóa khác nhau, giữa các trẻ có vị trí trong gia đình khác nhau (con đầu tiên, con thứ hai...có anh/chị/em..., cung cấp các cơ hội học tập tự nhiên giúp trẻ tự học hỏi lẫn nhau, biết quan tâm, tôn trọng và chấp nhận sự đa dạng.

+ Môi trường cảm xúc: Được chuẩn bị để trẻ luôn cảm thấy yên tâm, an toàn và đủ tự tin để làm theo sở thích và tham gia với sự tập trung sâu.

+ Môi trường thời gian: được thiết kế để trẻ có thời gian, cần cho hoạt động theo sở thích và đạt được mục tiêu học tập mà không bị gián đoạn.

- Giáo viên đóng vai trò kết nối trẻ với môi trường giáo dục đã được chuẩn bị và quan sát, thúc đẩy trẻ tự tự chọn hoạt động để khám phá môi trường xung quanh một cách độc lập; khuyến khích khả năng tự học hỏi và năng lực của cá nhân trẻ. Giáo viên là người tạo dựng môi trường, người hướng dẫn và quan sát trẻ để trẻ hỗ trợ kịp thời khi cần thiết. Vai trò của giáo viên là giúp trẻ tự khám phá, trải nghiệm theo nhu cầu và khả năng khác nhau của từng trẻ theo từng giai đoạn.

2.5. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ.

Đánh giá sự phát triển của trẻ (Bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn, theo chủ đề/tháng) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế của địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá, coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hàng ngày.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Nhà trẻ

1.1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
-----------	-----------	---	--

25 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
---------------	------------	-----------------	----------------

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi: trẻ từ 25 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

1.1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2. Mẫu giáo

1.2.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.2.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

1.2.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.2.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Giáo dục

(Đính kèm Phụ lục Phát triển chương trình giáo dục nhà trường)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Đối với Ban lãnh đạo nhà trường

- Hiệu trưởng thành lập tổ chuyên môn, nhóm xây dựng chương trình.

- Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường cùng với tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, giáo viên.

- Tham gia xây dựng chế độ ăn, khẩu phần dinh dưỡng phù hợp độ tuổi của trẻ và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên các nhóm lớp xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhóm lớp.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình của các nhóm/ lớp.

2. Đối với các tổ chuyên môn

- Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục;

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình của các nhóm lớp trong tổ;

- Duyệt kế hoạch giáo dục, quan sát, dự giờ, thăm lớp.

- Chủ động tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thảo luận các chuyên đề liên quan đến phát triển chương trình Giáo dục mầm non.

3. Đối với giáo viên

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch phát triển Chương trình Giáo dục mầm non tại nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục mới lạ, kích thích trẻ tham gia; Đổi mới các hình thức tổ chức phù hợp; Phát huy năng khiếu cá nhân góp phần vào công tác giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch tháng, tuần, chủ đề phù hợp với đặc điểm của địa phương; Lên kế hoạch giáo dục bám vào Chương trình Giáo dục mầm non đã đề ra theo các lĩnh vực phát triển của trẻ và có nội dung giáo dục phù hợp với địa phương, chú trọng phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm;

- Sưu tầm các nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ học tập.

- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý lớp học và chăm sóc giáo dục trẻ.

- Chú trọng việc kiểm tra, đánh giá trẻ trong lớp để có kế hoạch điều chỉnh, bồi dưỡng kịp thời những trẻ còn hạn chế, ...

- Làm tốt công tác phối hợp với phụ huynh để tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt chương trình giáo dục.

- Tham gia đóng góp ý kiến dự thảo kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường; theo dõi, giám sát, đánh giá chéo các giáo viên trong tổ theo sự phân công của tổ trưởng chuyên môn

4. Nhân viên

*** Nhân viên Kế toán:**

- Tham mưu đề xuất trực tiếp với hiệu trưởng những vấn đề có liên quan đến việc chi tiêu cho việc phát triển chương trình giáo dục mầm non từ các loại quỹ của đơn vị.

- Quyết toán những chi tiêu cho việc phát triển chương trình giáo dục mầm non từ các loại quỹ của đơn vị theo qui định tài chính.

*** Nhân viên y tế (kiêm nghiệm):**

- Tham mưu cho Phó Hiệu trưởng xây dựng chế độ ăn, khẩu phần dinh dưỡng phù hợp độ tuổi của trẻ, đảm bảo kinh phí thu bằng chi và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nghiêm túc thực hiện quy định của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ y tế và Bộ Giáo dục quy định về công tác y tế trường học và các văn bản chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh.

*** Nhân viên nấu ăn:**

- Thực hiện quy trình bếp một chiều; thực hiện kiểm thực và lưu mẫu thực phẩm đúng quy định của Bộ Y tế.

- Đảm bảo chế biến thực phẩm an toàn theo “10 nguyên tắc vàng”, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm trong nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với bối cảnh địa phương của Trường Mầm non Minh Tân. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh Ban Lãnh đạo nhà trường phối hợp cùng các tổ chuyên môn rà soát điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị./.

Nơi nhận

- Sở GD&ĐT (để báo cáo)
- Phó Hiệu trưởng;
- Các Tổ chuyên môn;
- Giáo viên, nhân viên;
- Lưu VT.

Q. HIỆU TRƯỞNG**Bùi Thị Đoan**

